

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 25- 9-2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

Giữa chị L với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có::

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư;

2. Bà Võ Thị Kim Linh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2018/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp, ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Bạch L, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số 441, tổ 14, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (Có mặt);
2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Phan Thị Bạch L đề ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bạch L với anh Trần Văn T yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2007, sau đó anh chị đến UBND xã Vĩnh Hòa đăng ký kết hôn trễ hạn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 0I ngày 12/02/2009. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, hai người sống ly thân kể từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được, do đó chị L xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Theo chị L thì chị với anh T có một đứa con tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 24/6/2007 hiện đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản và nợ chung: Theo chị L, chị với anh T không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần văn T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát: Về tố tụng Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi mở phiên tòa xét xử và tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của chị Phan Thị Bạch L đề ngày 03/5/2018 xin ly hôn với anh Trần văn T, chị L với anh T kết hôn với nhau vào năm 2009 vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Hôn nhân giữa chị L với anh T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 02/8/2018 thì anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 06, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang anh T đi làm xa không báo với địa phương. Như vậy anh T cố tình che giấu địa chỉ. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bạch L với anh Trần Văn T yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2007, sau đó anh chị đến UBND xã Vĩnh Hòa đăng ký kết hôn trễ hạn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 0I ngày 12/02/2009. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, hai

người sống ly thân kể từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được, do đó chị L xin được ly hôn với anh T.

Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến quan điểm của mình. Theo chị L trình bày phần trên thì tình cảm giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 và anh chị không còn sống chung cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thì địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị L với anh T kết hôn với nhau vào năm 2007, hai người sống chung và đã xảy ra mâu thuẫn và hai người không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L xin ly hôn với anh T là hợp lý, được HĐXX chấp nhận, nghĩ nên cho chị L ly hôn với anh T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Theo chị L thì chị với anh T có một đứa con tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 24/6/2007 hiện đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tại biên bản làm việc ngày 13/7/2018 thì nguyện vọng của cháu Thảo V muốn được sống với chị L. Xét thấy yêu cầu này của chị L là hợp lý nên được HĐXX chấp nhận. Nên giao cháu Thảo V cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Bên cạnh đó anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thảo V mỗi tháng 700.000 đồng thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Thảo V trưởng thành.

“ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo chị Phan Thị Bạch L trình bày thì chị với anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu anh T cho rằng giữa anh với chị L có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị L ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Bạch L là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị Bạch L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004633 ngày 12/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bạch L được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 24/6/2007 cho chị Phan Thị Bạch L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thảo V mỗi tháng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Thảo V trưởng thành.

“ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời gian chung sống thì anh Trần Văn T vẫn có quyền khởi kiện chị Phan Thị Bạch L để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Bạch L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004633 ngày 12/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có quyền kháng cáo. Riêng anh Trần Văn T vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh